

Mẫu CBTT/SGDHCM-06

(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2013/QĐ-SGDHCM ngày 24/07/2013 của
TGD SGDCCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCCK TPHCM)

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**
Số: 14 /2017/CBTT-TTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp.HCM, ngày 31 tháng 03 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Tp.HCM

Điện thoại: 08.38634999

Fax: 08.38634888

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Hồng Vân

Địa chỉ: 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận

Điện thoại: Di động: 0918 314 193; Cơ quan: 08.38634999

Loại thông tin công bố 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2016 của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công.

(Đính kèm theo)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Trân trọng!

Người công bố thông tin

Phan Thị Hồng Vân

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo Công ty	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06 - 41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Tsan Quay Liang	Chủ tịch	
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Chủ tịch	
Bà: Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm từ ngày 19/12/2016
Ông: Trần Mến	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Bà: Phan Thị Hồng Vân	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Ông: Nguyễn Cường Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Ông: Nguyễn Phong Phú	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016
Bà: Dương Thục Linh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016
Ông: Trần Hoàng Anh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016

Các thành viên của Ban Lãnh đạo Công ty đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà: Phan Thị Hồng Vân	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/12/2016
Bà: Hồ Nguyễn Duy Khương	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 04/07/2016
Bà: Nguyễn Thị Hương Giang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 04/07/2016
Ông: Đặng Đình Nam	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 04/07/2016
Bà: Dương Thục Linh	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2016
Bà: Nguyễn Thị Huệ Trinh	Giám đốc Tài chính	Bổ nhiệm từ ngày 27/06/2016
Bà: Lê Thị Mộng Thu	Giám đốc Tài chính	Miễn nhiệm từ ngày 27/06/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Bà: Phạm Ngọc Thanh Mai	Thành viên	Trưởng ban kiểm soát từ ngày 01/01/16 đến 29/05/16
Bà: Nguyễn Trần Hằng Phương	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Ông: Nguyễn Công Khanh	Thành viên	Bổ nhiệm từ ngày 30/05/2016
Bà: Lưu Đặng Mỹ Quỳnh	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016
Bà: Bùi Thị Thúy Hằng	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 30/05/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty 

Nguyễn Thái Hà

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công được lập ngày 30 tháng 03 năm 2017, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo Công ty

Ban Lãnh đạo Công ty Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 39 - Sự kiện phát sinh sau niên độ, trong năm 2016, Công ty đã thực hiện chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chè Ngọc Bảo và hoàn tất các thủ tục pháp lý trong năm 2017.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Cát Thị Hà
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0725-2013-002-1
Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Ngọc Lân
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1427-2013-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		158.618.667.354	92.288.678.679
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	8.342.084.429	8.174.539.186
111	1. Tiền		8.342.084.429	8.174.539.186
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	50.626.000.000	2.250.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		50.626.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	2.250.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		93.233.731.166	50.537.822.486
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	12.984.647.247	10.838.209.165
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	7.115.278.993	16.197.731.339
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		4.900.000.000	10.800.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	08	68.433.863.975	13.583.851.351
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(218.818.542)	(881.969.369)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		18.759.493	-
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.220.986.042	23.026.999.534
141	1. Hàng tồn kho		1.220.986.042	23.026.999.534
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.195.865.717	8.299.317.473
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	1.838.200.533	2.695.785.103
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		3.357.516.520	4.424.943.729
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	148.664	1.178.588.641
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		257.769.518.119	300.602.557.078
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		4.378.403.286	5.149.086.894
216	1. Phải thu dài hạn khác	08	4.378.403.286	5.149.086.894
220	II. Tài sản cố định		201.317.179.122	171.624.023.801
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	167.761.689.275	113.714.514.408
222	- Nguyên giá		224.136.893.911	173.007.039.063
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(56.375.204.636)	(59.292.524.655)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	33.555.489.847	57.909.509.393
228	- Nguyên giá		39.614.342.176	67.421.198.808
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.058.852.329)	(9.511.689.415)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		967.018.837	61.443.179.308
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	967.018.837	61.443.179.308

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	22.656.055.090	22.811.048.349
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		22.633.145.090	22.788.138.349
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		22.910.000	22.910.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		28.450.861.784	39.575.218.726
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	11.610.889.880	20.846.651.842
269	2. Lợi thế thương mại	15	16.839.971.904	18.728.566.884
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		416.388.185.473	392.891.235.757

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	31/12/2016		01/01/2016	
		VND		VND	
300	C. NỢ PHẢI TRẢ	236.915.313.464		219.425.028.806	
310	I. Nợ ngắn hạn	151.108.821.561		137.588.893.380	
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	17	13.098.119.684		34.292.283.233
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	18	28.115.619.113		4.750.867.267
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	3.870.182.209		1.706.352.963
314	4. Phải trả người lao động		2.114.840		215.258.445
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	997.894.719		785.124.328
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	22	515.486.850		102.745.453
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	21	52.548.044.078		13.292.134.141
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	51.961.360.068		82.180.010.179
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		-		264.117.371
330	II. Nợ dài hạn		85.806.491.903		81.836.135.426
337	1. Phải trả dài hạn khác	21	930.670.000		984.670.000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16	84.346.942.511		80.251.079.301
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34	528.879.392		600.386.125
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		179.472.872.009		173.466.206.951
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	179.472.872.009		173.466.206.951
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		130.000.000.000		130.000.000.000
411a	Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết		130.000.000.000		130.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		910.000.000		910.000.000
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738		6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		10.100.273.319		4.242.721.821
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		4.242.721.821		1.715.280.267
421b	LNST chưa phân phối năm nay		5.857.551.498		2.527.441.554
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		31.742.942.952		31.593.829.392
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		416.388.185.473		392.891.235.757

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25	247.567.511.402	87.958.996.769
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		247.567.511.402	87.958.996.769
11	4. Giá vốn hàng bán	26	225.378.797.938	81.242.095.950
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.188.713.464	6.716.900.819
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	33.141.953.341	20.642.663.125
22	7. Chi phí tài chính	28	11.548.110.745	5.089.045.429
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		11.374.381.458	5.088.719.242
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(89.235.738)	624.537.767
25	9. Chi phí bán hàng	29	7.450.840.486	3.259.616.050
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	27.573.580.612	17.871.373.720
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		8.668.899.224	1.764.066.512
31	12. Thu nhập khác	31	18.663.909.640	2.696.767.851
32	13. Chi phí khác	32	17.537.550.617	1.395.997.282
40	14. Lợi nhuận khác		1.126.359.023	1.300.770.569
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.795.258.247	3.064.837.081
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	3.764.631.135	276.169.583
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	34	23.962.054	587.336.693
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		6.006.665.058	2.201.330.805
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		5.857.551.498	2.527.441.554
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		149.113.560	(326.110.749)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	451	194

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị









Lê Hồng Văn

Bùi Tấn Khải

Nguyễn Thái Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		9.795.258.247	3.064.837.081
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.339.463.063	(10.561.727.413)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.848.729.982	4.684.138.689
03	- Các khoản dự phòng		(663.150.827)	880.717.286
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.219.536)	(8.348.496)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(15.219.278.014)	(21.206.954.134)
06	- Chi phí lãi vay		11.374.381.458	5.088.719.242
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		16.134.721.310	(7.496.890.332)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		11.820.950.370	(33.684.843.459)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		21.806.013.492	(21.022.360.536)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(19.757.570.510)	39.413.536.691
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(3.622.559.371)	(15.573.803.022)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	16.380.000.000
14	- Tiền lãi vay đã trả		(11.712.039.574)	(4.680.366.871)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(689.891.185)	(1.022.443.470)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(264.117.371)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		13.715.507.161	(27.687.170.999)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(13.393.073.218)	(35.260.440.776)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		2.721.699.658	425.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(14.800.000.000)	(36.700.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		22.950.000.000	23.650.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(11.247.694.945)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		14.115.201.228	12.817.284.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		979.777.779	4.421.506.291
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		12.573.605.447	(41.894.345.430)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		104.474.634.614	128.501.753.170
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(130.597.421.515)	(55.566.813.324)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(26.122.786.901)	72.934.939.846

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		166.325.707	3.353.423.417
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		8.174.539.186	4.812.514.731
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.219.536	8.601.038
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>8.342.084.429</u>	<u>8.174.539.186</u>

Người lập biểu

Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng

Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du lịch Golf Việt Nam (nay là Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công), tên giao dịch quốc tế Viet Nam Golf Joint Stock Company, là doanh nghiệp được chuyển đổi từ Chi nhánh Công ty Xây dựng và Phát triển Đô thị Bà Rịa - Vũng Tàu theo Quyết định số 5336/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần 3500753423, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 07 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngày 27/12/2014, Công ty Cổ Phần Du lịch Golf Việt Nam được đổi tên thành Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công (TTC Tourist). Công ty hiện đang hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 02/06/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 62 Trần Huy Liệu, Phường 12, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty là: 130.000.000.000 đồng; Tương đương 13.000.000 cổ phần; Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ Du lịch - Nhà hàng - Khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày, chi tiết: Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch khách sạn (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh);
- Bán buôn đồ uống, chi tiết: Mua bán đồ uống có cồn (rượu, bia);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động, chi tiết: Kinh doanh dịch vụ ăn uống đầy đủ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải tàu biển; Dịch vụ bán vé máy bay, vé tàu thủy, ô tô;
- Cho thuê xe có động cơ, chi tiết: Cho thuê ô tô, xe ủi, xe đào, xe lu, cầu, xe điện;
- Tổ chức sự kiện (không thực hiện các hiệu ứng cháy nổ và cam kết không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh tại trụ sở);
- Đại lý thu đổi ngoại tệ (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn Golf Cần Thơ và Khách sạn Golf 3 Đà Lạt khi được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký thu đổi ngoại tệ); Tư vấn đầu tư;
- Đại lý du lịch, chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; Kinh (không hoạt động tại thành phố Hồ Chí Minh); Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài (chỉ được phép hoạt động tại Khách sạn golf Cần Thơ);
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn đường; Bán buôn chè, sữa và các sản phẩm sữa (không hoạt động tại trụ sở).

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

- Trong năm, Công ty có thành lập thêm 5 chi nhánh bao gồm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Quảng Nam, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bình Thuận – Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Bến Tre – Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công tại Tiền Giang – Trung tâm Lữ hành, Chi nhánh Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công – Trung tâm Lữ hành.
- Tháng 2 năm 2016, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công cụ dụng cụ, nhân sự có liên quan đến hoạt động kinh doanh Khách sạn của 2 công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt và Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam về 2 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ.

- Thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 17/06/2016, Công ty đã chuyển nhượng hết vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 20.500.000.000 đồng. Tại ngày 31/12/2016, các thủ tục chuyển nhượng vốn cho đối tác đã được hoàn tất.
- Trong năm, Công ty CP Du lịch Thành Thành Công và Công ty CP Du lịch Bến Tre thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp của 2 Công ty trong Công ty TNHH Chè Ngọc Bảo cho đối tác, tổng giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng là 55.522.364.000 đồng. Đến thời điểm 31/12/2016, số còn phải thu giá trị chuyển nhượng là 54.522.364.000 đồng. Việc thanh toán được thực hiện theo Lịch trả nợ đính kèm Hợp đồng kinh tế và dự kiến hoàn thành trong năm 2017.

Cấu trúc tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Tỉnh Lâm Đồng	100%	100%	Dịch vụ Khách sạn
+ Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Tỉnh Bến Tre	51,36%	51,36%	Dịch vụ Khách sạn

- Thông tin về tái cấu trúc tập đoàn

- + Tháng 2 năm 2016, Công ty thực hiện điều chuyển toàn bộ tài sản cố định, chi phí xây dựng cơ bản dở dang, công cụ dụng cụ, nhân sự có liên quan đến hoạt động kinh doanh Khách sạn của 2 công ty con 100% vốn là Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt và Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam về 2 Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ.
- + Thực hiện Nghị quyết HĐQT ngày 17/06/2016, Công ty đã chuyển nhượng hết vốn góp Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Quảng Nam với giá chuyển nhượng là 20.500.000.000 đồng và giá trị vốn đã góp là: 12.000.000.000 đồng. Tại ngày 30/06/2016, các thủ tục chuyển nhượng vốn cho đối tác đã được hoàn tất.

- Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
+ Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49,00%	49,00%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước..

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

35 - C.V
TY
HỮU HẠN
TOÁN
3C
TP. H.A

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	08 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
- Tài sản hữu hình khác	06 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm
- Tài sản vô hình khác	03 - 20 năm

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác. Được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các Doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	123.669.874	2.609.115.085
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.961.907.452	5.565.424.101
Tiền đang chuyển	256.507.103	-
	8.342.084.429	8.174.539.186

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	2.250.000.000	2.250.000.000
	-	-	2.250.000.000	2.250.000.000

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2016	01/01/2016
	Giá gốc VND	Dự phòng VND
		Giá gốc VND
		Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Golf 1 (*)	50.626.000.000	-
	50.626.000.000	-

(*) Theo Tờ trình số 280/2016/TT-VPCT đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị ngày 30/10/2016, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo hình thức góp vốn bằng dự án Khách sạn Golf 1 ngày 5/11/2016 và Công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5801325150 (chi tiết xem Thuyết minh số 10). Công ty thực hiện góp vốn với mục đích là chuyển nhượng cho đối tác. Số lượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công đang nắm giữ là 5.626.000 cổ phiếu. Công ty dự kiến sẽ hoàn thành việc chuyển nhượng nếu trên trong Quý I năm 2017.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2016		01/01/2016	
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp Vốn chủ sở hữu
		VND	VND	VND
Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor	Vương quốc Campuchia	49,00%	49,00%	22.633.145.090
				22.788.138.349
				22.633.145.090
				22.788.138.349

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Thương mại bia Sài Gòn Sông Tiền	22.910.000	-	22.910.000	-
	22.910.000	-	22.910.000	-

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Thương mại Sabeco Sông Tiền	75 B, Phạm Hùng, F.9, Thị xã Vĩnh Long	0,0057%	0,0057%	Kinh doanh nước giải khát

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	3.617.833.769	256.096.000
- Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi - Chi nhánh Bến Tre	3.351.657.273	-
- Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	304.972.603	56.229.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	306.805.466	642.241.633
- Công ty TNHH MTV Du lịch và Tiếp thị Giao thông vận tải (Vietravel)	341.290.000	-
- Bà Lê Thị Xinh	-	1.000.296.639
- Các khoản phải thu khách hàng khác	5.062.088.136	8.883.345.893
	12.984.647.247	10.838.209.165
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	311.473.466	647.241.633

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Xây Dựng Toàn Thịnh Phát	1.988.344.626	-	3.114.277.000	-
- Công ty TNHH PNR	-	-	1.103.193.774	-
- Công ty CP Đầu tư Kiến trúc Xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	9.054.545.455	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ D.P.N	761.574.000	-	-	-
- Tổng Công ty Hàng Không VN Airlines - CTCP	655.076.100	-	-	-
- Các khoản trả trước người bán khác	3.710.284.267	-	2.925.715.110	-
	7.115.278.993	-	16.197.731.339	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu về cho vay ngắn hạn chi tiết theo đối tượng có số dư lớn		
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	-	10.000.000.000
- Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre	-	800.000.000
- Công ty Cổ phần Nước Khoáng ĐaKai	4.900.000.000	-
	4.900.000.000	10.800.000.000
b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	-	10.000.000.000

8. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu Công ty CP TNHH Du lịch VinaGolf Angkor (*)	5.354.592.230	-	5.354.592.230	-
- Phải thu tiền giá vốn vé máy bay khách hàng đã đặt mua nhưng chưa bay	98.761.427	-	1.814.800.391	-
- Phải thu người lao động tiền tạm ứng	285.576.243	70.183.000	975.834.807	70.183.000
- Phải thu tiền chuyển nhượng vốn góp	54.522.364.000	-	-	-
- Phải thu Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi - chi nhánh Bến Tre về tiền lãi hợp tác kinh doanh	1.044.207.481	-	-	-
- Phải thu Công ty CP Du lịch Thắng Lợi tiền hợp tác kinh doanh	3.223.596.551	-	-	-
- Phải thu khác	3.904.766.043	-	5.438.623.923	-
	68.433.863.975	70.183.000	13.583.851.351	70.183.000
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	4.378.403.286	-	5.149.086.894	-
	4.378.403.286	-	5.149.086.894	-

(*) Khoản phải thu về số tiền đã ứng cho Công ty Cổ phần TNHH Du lịch Vinagolf Angkor để nhằm duy trì hoạt động kinh doanh trong năm 2013 và năm 2014.

9. NỢ XẤU

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
+ Phan Quốc Liêm	-	-	443.241.898	-
+ Lê Minh Tường	-	-	58.254.462	-
+ Phần góp vốn Ao Bà Om	69.773.000	-	69.773.000	-
+ Các đối tượng khác	149.045.542	-	328.943.009	18.243.000
	218.818.542	-	900.212.369	18.243.000

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Hàng mua đang đi đường	-	-	360.548.430	-
- Nguyên liệu, vật liệu	183.627.231	-	643.503.431	-
- Công cụ, dụng cụ	1.037.358.811	-	1.162.548.348	-
- Hàng hóa	-	-	20.860.399.325	-
	1.220.986.042	-	23.026.999.534	-

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Mua sắm	-	54.000.000
+ Hệ thống phần mềm Higotech	-	54.000.000
Các dự án xây dựng cơ bản của Công ty mẹ	-	57.271.172.579
+ Dự án đầu tư khách sạn Golf 1 Đà Lạt ⁽¹⁾	-	25.534.093.368
+ Dự án sửa chữa khách sạn Golf 3 Đà Lạt ⁽²⁾	-	1.277.182.375
+ Dự án sửa chữa cải tạo khách sạn Golf Cần Thơ ⁽³⁾	-	30.459.896.836
Các dự án xây dựng cơ bản của Công ty con	967.018.837	4.118.006.729
+ Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi ⁽⁴⁾	-	2.481.818.182
+ Các dự án khác	967.018.837	1.636.188.547
	967.018.837	61.443.179.308

⁽¹⁾ Dự án đầu tư Khách sạn Golf 1 Đà Lạt bao gồm các chi phí chuẩn bị đầu tư (chi phí thuê đất một lần, thiết kế), chi phí lãi vay trả tiền thuê đất một lần, chi phí bồi thường khi thanh lý hợp đồng thuê đất cũ trước hạn... Dự án đã được góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1, đồng thời Công ty CP Du lịch Thành Thành Công đã ký thỏa thuận chuyển nhượng phần vốn góp này cho bà Viên Diệu Hoa, giá bán là 52 tỷ đồng, đến thời điểm 31/12/2016 bà Viên Diệu Hoa đã thanh toán 50% giá trị hợp đồng tương đương 26 tỷ đồng (xem chi tiết tại thuyết minh số 16).

⁽²⁾ Dự án sửa chữa khách sạn Golf 3 Đà Lạt đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm 2016.

⁽³⁾ Dự án sửa chữa, cải tạo Khách sạn Golf Cần Thơ đã đi vào hoạt động quý 4 năm 2016.

⁽⁴⁾ Chi phí liên quan đến việc xây dựng khách sạn Đồng Khởi đã dừng triển khai. Công ty đã thay đổi dự án từ xây dựng khách sạn Đồng Khởi thành Trung tâm hội nghị, tiệc cưới Đồng Khởi Palace. Hội đồng quản trị Công ty xây dựng phương án phân bổ chi phí sửa chữa đã phát sinh trong vòng hai năm (xem thuyết minh số 14).

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	158.728.190.185	4.294.940.408	7.529.645.947	2.313.862.523	140.400.000	173.007.039.063
- Mua trong năm	1.890.508.808	5.277.817.398	2.935.847.350	1.946.316.122	851.484.006	12.901.973.684
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	53.171.503.825	-	-	-	-	53.171.503.825
- Thanh lý, nhượng bán	(3.408.353.233)	(135.358.182)	(3.211.012.379)	(151.706.364)	-	(6.906.430.158)
- Đầu tư góp vốn (*)	(7.587.078.479)	(450.114.024)	-	-	-	(8.037.192.503)
Số dư cuối năm	202.794.771.106	8.987.285.600	7.254.480.918	4.108.472.281	991.884.006	224.136.893.911
Hao mòn TSCĐ						
Số dư đầu năm	50.579.338.289	3.098.248.744	4.072.735.978	1.513.787.353	28.414.291	59.292.524.655
- Khấu hao trong năm	5.539.314.610	598.705.919	681.589.718	301.980.135	337.663.677	7.459.254.059
- Thanh lý, nhượng bán	(1.849.210.267)	(81.786.745)	(2.126.259.740)	(12.967.299)	-	(4.070.224.051)
- Đầu tư góp vốn (*)	(5.856.236.003)	(450.114.024)	-	-	-	(6.306.350.027)
Số dư cuối năm	48.413.206.629	3.165.053.894	2.628.065.956	1.802.800.189	366.077.968	56.375.204.636
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	108.148.851.896	1.196.691.664	3.456.909.969	800.075.170	111.985.709	113.714.514.408
Tại ngày cuối năm	154.381.564.477	5.822.231.706	4.626.414.962	2.305.672.092	625.806.038	167.761.689.275

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 12.832.224.530 đồng

(*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	67.255.289.717	135.000.000	30.909.091	67.421.198.808
- Mua trong năm	-	221.000.000	345.006.268	566.006.268
- Thanh lý, nhượng bán	(1.367.662.900)	(10.000.000)	-	(1.377.662.900)
- Đầu tư góp vốn (*)	(26.995.200.000)	-	-	(26.995.200.000)
Số dư cuối năm	38.892.426.817	346.000.000	375.915.359	39.614.342.176
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	9.491.151.524	9.333.336	11.204.555	9.511.689.415
- Khấu hao trong năm	1.425.834.972	44.749.994	30.295.977	1.500.880.943
- Thanh lý, nhượng bán	(152.736.693)	(9.333.336)	-	(162.070.029)
- Đầu tư góp vốn (*)	(4.791.648.000)	-	-	(4.791.648.000)
Số dư cuối năm	5.972.601.803	44.749.994	41.500.532	6.058.852.329
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	57.764.138.193	125.666.664	19.704.536	57.909.509.393
Tại ngày cuối năm	32.919.825.014	301.250.006	334.414.827	33.555.489.847

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 33.503.997.423 đồng.
(*) Đây là giá trị tài sản Khách sạn Golf 1 được Công ty góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Golf 1 theo Tờ trình đã được phê duyệt của Hội đồng Quản trị (Chi tiết xem Thuyết minh số 4).

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	181.471.130	2.001.742.818
- Chi phí sửa chữa, bảo trì	62.148.483	233.073.750
- Chi phí phần mềm máy tính	8.333.334	-
- Chi phí sửa chữa Công trình Trung tâm tiệc cưới Đồng Khởi	1.240.909.082	-
- Các khoản khác	345.338.504	460.968.535
	1.838.200.533	2.695.785.103
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.611.990.011	8.166.598.307
- Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông ⁽¹⁾	4.621.381.262	5.134.868.066
- Chi phí quyền sử dụng đất ⁽²⁾	2.949.369.624	3.422.784.788
- Chi phí thuê đất	239.999.616	1.549.999.995
- Chi phí phần mềm máy tính	27.583.328	-
- Chi phí làm phim quảng cáo	448.989.899	-
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.596.262.095	2.392.459.280
- Các khoản khác	115.314.045	179.941.406
	11.610.889.880	20.846.651.842

⁽¹⁾ Lợi thế thương mại phát sinh từ việc sáp nhập Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng Sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015, số tiền: 5.134.868.066 đồng, phân bổ trong thời gian 10 năm từ ngày 01/01/2016. Giá trị còn lại tại 31/12/2016: 4.621.381.262 đồng.

(2) Chi phí quyền sử dụng đất nhận từ Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo hợp đồng Sáp nhập ngày 01/12/2015 và Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 42/2015/BB-HĐQT ngày 21/12/2015. Đây là giá trị góp vốn bằng Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 36 tại xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre và Thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại phường 8, thành phố Bến Tre của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Bến Tre vào Công ty Cổ phần Đầu tư Du lịch Mê Kông theo Hợp đồng góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất và quyền sử dụng đất ngày 07/12/2009. Chi phí quyền sử dụng đất trên được Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre tiếp nhận và phân bổ trong thời gian 20 năm.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong năm 2015	18.885.949.799	18.885.949.799
- Số đã phân bổ các năm trước	(157.382.915)	-
- Số phân bổ năm nay	(1.888.594.980)	(157.382.915)
Số dư cuối năm	<u>16.839.971.904</u>	<u>18.728.566.884</u>

16. CÁC KHOẢN VAY

	Trong năm						31/12/2016	
	01/01/2016		Tăng		Giảm		Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	trả nợ	VND
a) Vay ngắn hạn								
- <i>Vay ngắn hạn</i>	56.250.164.237	56.250.164.237	82.309.946.056	119.122.325.765	37.984.414.720	37.984.414.720	37.984.414.720	450.000.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành ⁽¹⁾	450.000.000	450.000.000	-	-	-	-	-	450.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽²⁾	12.570.107.657	12.570.107.657	40.942.467.481	33.579.963.172	19.932.611.966	19.932.611.966	19.932.611.966	
+ Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre ⁽³⁾	11.730.056.580	11.730.056.580	10.438.848.854	21.709.102.680	459.802.754	459.802.754	459.802.754	
+ Ngân hàng HD BANK- Chi nhánh Nguyễn Trãi ⁽⁴⁾	-	-	500.000.000	-	-	-	-	500.000.000
+ Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công ⁽⁵⁾	31.500.000.000	31.500.000.000	5.100.000.000	32.500.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	
+ Công ty CP Du lịch Thăng Lợi ⁽⁶⁾	-	-	21.000.000.000	8.458.000.000	12.542.000.000	12.542.000.000	12.542.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre	4.926.630.192	4.926.630.192	3.623.129.721	8.549.759.913	-	-	-	
+ Nguyễn Thủy Hằng	13.620.000.000	13.620.000.000	-	13.620.000.000	-	-	-	
+ Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	-	-	705.500.000	705.500.000	-	-	-	
- <i>Vay và nợ dài hạn đến hạn trả</i>	7.383.215.750	7.383.215.750	13.976.945.348	7.383.215.750	13.976.945.348	13.976.945.348	13.976.945.348	
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk	4.093.416.586	4.093.416.586	9.691.186.344	4.093.416.586	9.691.186.344	9.691.186.344	9.691.186.344	
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽⁸⁾	-	-	198.000.000	-	-	-	-	198.000.000
+ Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre ⁽¹⁰⁾	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre ⁽¹¹⁾	2.289.799.164	2.289.799.164	3.087.759.004	2.289.799.164	3.087.759.004	3.087.759.004	3.087.759.004	
Tổng cộng	82.180.010.179	82.180.010.179	96.286.891.404	126.505.541.515	51.961.360.068	51.961.360.068	51.961.360.068	51.961.360.068

16. CÁC KHOẢN VAY

	Trong năm				31/12/2016	
	01/01/2016		Tăng		Giảm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	VND	VND	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- <i>Vay dài hạn</i>	87.634.295.051	87.634.295.051	22.164.688.558	11.475.095.750	98.323.887.859	98.323.887.859
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong ⁽⁸⁾	-	-	990.000.000	-	990.000.000	990.000.000
+ Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽⁹⁾	45.140.645.785	45.140.645.785	21.174.688.558	4.685.296.586	61.630.037.757	61.630.037.757
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre ⁽¹⁰⁾	5.739.521.197	5.739.521.197	-	1.000.000.000	4.739.521.197	4.739.521.197
+ Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Bến Tre ⁽¹¹⁾	33.254.128.069	33.254.128.069	-	2.289.799.164	30.964.328.905	30.964.328.905
+ Tà Thị Phương Trang	3.500.000.000	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-	-
	87.634.295.051	87.634.295.051	22.164.688.558	11.475.095.750	98.323.887.859	98.323.887.859
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(7.383.215.750)	(7.383.215.750)	(13.976.945.348)	(7.383.215.750)	(13.976.945.348)	(13.976.945.348)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	80.251.079.301	80.251.079.301			84.346.942.511	84.346.942.511

c) Các khoản vay và nợ thuê tài chính đối với các bên liên quan

	31/12/2016		01/01/2016	
	Mối quan hệ		Gốc	
	VND	Lãi	VND	Lãi
Vay				
- Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công (5)	4.100.000.000	-	31.500.000.000	-
	4.100.000.000	-	31.500.000.000	-

Thông tin khoản vay ngắn hạn

(1) Hợp đồng thấu chi số 01/2015/1281110/HĐTĐ ngày 09/02/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích thấu chi: Bù đắp khoản thiếu hụt thanh toán tạm thời;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 09/02/2016;
- + Lãi suất cho vay: 9,00%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 450.000.0000 đồng.

(2) Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 140/2015/HĐTĐTM-DN ngày 25/12/2015 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn, du lịch;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: Bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 6 tháng VND do ngân hàng công bố tại thời điểm tính lãi biên độ tối thiểu 2,5%/năm;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay và bên thứ ba bao gồm: (i) Bất động sản tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) địa chỉ Phường 2, Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; (ii) 5.000.000 Cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 19.932.611.966 đồng.

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/670915/HĐTĐ ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre, bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ nhà hàng, khách sạn;
- + Thời hạn vay: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay gồm: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác chi tiết theo Biên bản Định giá ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 459.802.754 đồng.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 5364/16/HĐTĐHM-DN/004 ngày 20/10/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động thanh toán vé máy bay Vietjet Air;
- + Thời hạn vay: 12 tháng kể từ ngày 20/10/2016;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 500.000.0000 đồng.

(5) Khoản vay Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công gồm 2 Hợp đồng:

- Hợp đồng tín dụng số 83/2016 ngày 27/12/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công và Công ty Cổ phần

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11,5%/ năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.600.000.000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 81/2016/HĐCV ngày 28/12/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
- + Lãi suất cho vay: 11,50%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 2.500.000.0000 đồng.

11105
CÔNG
CH NHIỆM
HÀNG K
A
HOÀN

(6) Khoản vay Công ty cổ phần du lịch Thắng Lợi gồm 2 Hợp đồng:

- Hợp đồng vay vốn số 13/2016/HĐVV-TL ngày 13/07/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:
 - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
 - + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
 - + Lãi suất cho vay: 9,30%;
 - + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 1.542.000.0000 đồng.

- Hợp đồng vay vốn số 14/2016/HĐVV-TL ngày 18/07/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
- + Thời hạn vay: 06 tháng tính từ ngày chuyển tiền;
- + Lãi suất cho vay: 9,30%;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 11.000.000.0000 đồng.

Thông tin khoản vay dài hạn

(8) Hợp đồng cho vay số 255/2016/HĐTD/DTA/01 ngày 29/12/2016 bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Mua xe TOYOTA phục vụ mục đích vận tải nội bộ;
- + Thời hạn vay: 60 tháng;
- + Lãi suất cho vay: quy định cụ thể trong từng văn bản nhận nợ;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 990.000.0000 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 198.000.000 đồng.

(9) Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đắc Lắc gồm 4 hợp đồng tín dụng cụ thể: HĐ số 0064.02/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.03/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015; HĐ số 0064.04/2015/HĐTD-DN ngày 09/06/2015, Hợp đồng 0104/2016/HĐTD-DN ngày 30/06/2016. Với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 61.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: sửa chữa, nâng cấp khách sạn Thành Công tại Đà Lạt; Cần Thơ;
- + Thời hạn cho vay: từ 60 tháng đến 120 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,5%/năm cố định trong 6 tháng đầu, từ tháng 7 trở đi áp dụng lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Hình thức đảm bảo tiền vay: Đảm bảo bằng tài sản thế chấp của bên vay là quyền sử dụng đất tại Phường 2-TP Đà Lạt (Thửa đất số 28, tờ bản đồ số C70- II- A) theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 742720 do Sở Tài nguyên và Môi trường - Tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 06/10/2008;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 61.630.037.757 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là 9.889.186.344 đồng.

(10) Hợp đồng tín dụng số 01/2014/670915/HĐTD ngày 30/12/2014 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre bao gồm các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 6.500.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Đầu tư dự án "Di dời, sửa chữa Nhà hàng Nổi Bến Tre";
- + Thời hạn vay: Không quá 84 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên;
- + Lãi suất cho vay: Lãi suất thả nổi có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: Máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản cố định khác chi tiết theo Biên bản Định giá ngày 11/07/2016 giữa Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2016 là 4.739.521.197 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là: 1.000.000.000 đồng.

(11) Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số BEN.DN.218.120514 ngày 03/06/2014, Hợp đồng số BEN.DN.169.120514 ngày 03/06/2014, hợp đồng tín dụng số BEN.DN.01.190913 ngày 15/10/2013, Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số BEN.DN.02.190913 ngày 15/10/2013, Hợp đồng tín dụng số BEN.DN.01.190913 ngày 15/10/201 và các hợp đồng sửa đổi bổ sung ngày 12/8/2015 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Mục đích vay: Đầu tư dự án trung tâm Hội nghị tiệc cưới Đồng Khởi;
- + Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu/kết thúc thời gian ân hạn;
- + Lãi suất cho vay: Quy định trên khế ước cụ thể có điều chỉnh;
- + Phương thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản của bên vay, bao gồm: (i) Bất động sản tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 02, phường 2, Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre trị giá 38.544.000.000 đồng;
- + Số dư nợ gốc của Hợp đồng tín dụng tại thời điểm 31/12/2016 là 30.964.328.905 đồng. Trong đó: Nợ đến hạn trả trong năm 2017 là: 3.087.759.004 đồng.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty CP Đầu tư Kiến trúc XD Toàn Thịnh Phát	1.629.471.601	1.629.471.601	-	-
- Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	697.993.000	697.993.000	-	-
- Công ty CP Điện Gia Lai - Chi nhánh Hồ Chí Minh	772.069.000	772.069.000	-	-
- Chi nhánh Công ty CP Du lịch Thăng Lợi	5.785.576.223	5.785.576.223	113.672.000	113.672.000
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật xây dựng Toàn Thịnh Phát	-	-	5.125.932.373	5.125.932.373
- Châu Thị Vân	-	-	12.411.590.000	12.411.590.000
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ	-	-	5.659.331.814	5.659.331.814
- Công ty TNHH Dinh dưỡng 3A ViệtNam	-	-	4.881.389.971	4.881.389.971
- Phải trả các đối tượng khác	4.213.009.860	4.213.009.860	6.100.367.075	6.103.412.074
	13.098.119.684	13.098.119.684	34.292.283.233	34.295.328.232
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.170.960.622	1.170.960.622	3.044.999	3.044.999
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)</i>				

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công ty Cổ phần Đại Nam	-	2.248.398.400
- Viên Diệu Hoa	26.000.000.000	-
- Thương mại Ngọc	-	123.100.000
- Các khoản người mua trả tiền trước khác	2.115.619.113	2.379.368.867
	28.115.619.113	4.750.867.267

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Giảm do thoái vốn Công ty con	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế giá trị gia tăng	465.219.929	340.189.894	6.489.771.639	5.864.051.344	-	148.664	500.838.924
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	56.845.636	407.155.583	418.395.158	-	-	45.606.061
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	713.368.712	1.020.655.418	3.764.631.135	689.891.185	338.705.111	-	3.043.321.545
- Thuế thu nhập cá nhân	-	288.662.015	769.006.854	777.253.190	-	-	280.415.679
- Thuế tài nguyên	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	2.034.453.427	2.034.453.427	-	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	9.437.583	9.437.583	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	33.775.014	33.775.014	-	-	-
	1.178.588.641	1.706.352.963	13.508.231.235	9.827.256.901	338.705.111	148.664	3.870.182.209

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	268.902.588	606.560.704
- Trích trước tiền thưởng lương tháng 13/2016	590.663.000	-
- Chi phí phải trả khác	138.329.131	178.563.624
	997.894.719	785.124.328

21. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	27.217.893	107.271.181
- Kinh phí công đoàn	188.669.717	120.500.463
- Bảo hiểm xã hội	28.317.774	124.063.714
- Bảo hiểm y tế	15.276.397	6.018.705
- Bảo hiểm thất nghiệp	1.659.106	47.944.699
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	265.715.498	34.112.598
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.132.524.541	8.132.524.541
- Các khoản phải trả phải nộp khác	43.888.663.152	4.719.698.240
+ Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam tiền chi hộ	4.671.130.250	2.959.300.882
+ Phải trả Công ty TNHH MTV Vinagolf Quảng Nam thu nhập từ đền bù phá vỡ hợp đồng của Công ty CP cấp thoát nước Quảng Nam	-	1.650.000.000
+ Phải trả tiền mua phần vốn đầu tư Chè Bảo Ngọc cho Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	34.860.000.000	-
+ Công ty CP Du Lịch Thăng Lợi	1.152.560.537	-
+ Phải trả khác	3.204.972.365	110.397.358
	52.548.044.078	13.292.134.141
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	930.670.000	984.670.000
	930.670.000	984.670.000

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước hoạt động tour	92.963.638	-
- Doanh thu nhận trước hoạt động phòng nghỉ khách sạn	291.100.000	-
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	131.423.212	102.745.453
	515.486.850	102.745.453

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư	Thặng dư	Quỹ đầu tư	Lợi nhuận	Lợi ích cổ đông	Cộng
	của Chủ sở hữu	vốn cổ phần	phát triển	chưa phân phối	không kiểm soát	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	1.879.537.561	-	139.509.193.299
Tăng do hợp nhất công ty con tại thời điểm mua	-	-	-	-	25.708.311.033	25.708.311.033
Lãi trong năm trước	-	-	-	2.527.441.554	(326.110.749)	2.201.330.805
Ảnh hưởng của thay đổi lợi ích khi công ty con tăng vốn	-	-	-	(164.257.294)	6.211.629.108	6.047.371.814
Số dư cuối năm trước	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	4.242.721.821	31.593.829.392	173.466.206.951
Số dư đầu năm nay	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	4.242.721.821	31.593.829.392	173.466.206.951
Lãi trong năm nay	-	-	-	5.857.551.498	149.113.560	6.006.665.058
Số dư cuối năm nay	130.000.000.000	910.000.000	6.719.655.738	10.100.273.319	31.742.942.952	179.472.872.009

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối năm VND	Tỷ lệ %	Đầu năm VND	Tỷ lệ %
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	51.051.000.000	39,27%	51.051.000.000	39,27%
Công ty Cổ phần Du lịch Thăng Lợi	-	0,00%	32.370.000.000	24,90%
Bà Tạ Thị Phương Trang	9.350.400.000	7,19%	20.085.000.000	15,45%
Các cổ đông khác	69.598.600.000	53,54%	26.494.000.000	20,38%
	130.000.000.000	100%	130.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	130.000.000.000	130.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	130.000.000.000	130.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.000.000	13.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.000.000	13.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Quỹ đầu tư phát triển	6.719.655.738	6.719.655.738
	6.719.655.738	6.719.655.738

24. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	Đơn vị tính	31/12/2016	01/01/2016
Đô la Mỹ	USD	3.880,30	5.443,68

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Huỳnh Bá Phụng	235.000.559	235.000.559
- Ngô Đình Long	207.057.168	207.057.168
- Phạm Quốc Liêm	443.241.898	-
- Các đối tượng khác	1.056.930.538	815.006.667
	1.942.230.163	1.257.064.394

25. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán hàng	89.989.752.452	20.852.650.130
Doanh thu cung cấp dịch vụ	157.577.758.950	65.406.346.639
Doanh thu hàng hóa bất động sản	-	1.700.000.000
	247.567.511.402	87.958.996.769
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 41)	31.722.727	-

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	87.095.767.014	19.841.585.817
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	138.283.030.924	60.105.824.122
Giá vốn hàng hóa Bất động sản	-	1.294.686.011
	225.378.797.938	81.242.095.950

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	977.944.979	352.335.212
Lãi bán các khoản đầu tư	11.573.752.578	16.391.843.302
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	19.662.364.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.832.800	1.832.800
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	663.619	2.520
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.219.536	8.348.496
Lợi nhuận được chia từ hoạt động hợp tác kinh doanh	778.577.003	3.728.174.550
Doanh thu hoạt động tài chính khác	145.598.826	160.126.245
	33.141.953.341	20.642.663.125

28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay	11.374.381.458	5.088.719.242
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.503.470	-
Chi phí tài chính khác	165.225.817	326.187
	11.548.110.745	5.089.045.429

29. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	24.215.375	5.498.363
Chi phí nhân công	4.844.491.077	1.515.362.450
Chi phí khấu hao tài sản cố định	142.427.985	59.799.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.479.243.434	607.304.180
Chi phí khác bằng tiền	960.462.615	1.071.651.370
	7.450.840.486	3.259.616.050

30. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.340.502.821	69.990.539
Chi phí nhân công	13.278.186.120	7.308.867.417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.086.755.296	630.765.682
Chi phí dự phòng	(4.726.000)	161.068.873
Thuế, phí, và lệ phí	868.503.788	59.710.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.418.721.036	1.723.325.246
Chi phí khác bằng tiền	7.585.637.551	7.917.645.199
	27.573.580.612	17.871.373.720

31. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	579.722.037	108.230.503
Thu nhập từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất	1.350.712.250	-
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	12.683.700.206	453.738.586
Tiền phạt, bồi thường thu được	305.241.277	115.256.378
Xử lý công nợ không phải trả Công ty Quảng Nam	1.650.000.000	-
Thu nhập từ tiền thưởng, hỗ trợ chi phí bán hàng được hưởng	1.180.133.987	-
Thu nhập từ điện nước dịch vụ cho thuê mặt bằng	-	705.460.921
Thu nhập khác	914.399.883	1.314.081.463
	18.663.909.640	2.696.767.851

32. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	4.800.000
Thanh lý nhượng bán công cụ dụng cụ	12.558.393.747	-
Chi tiền làm từ thiện	300.000.000	-
Chi phí thiết kế dự án Khách sạn 3 sao Đồng Khởi không được thực hiện (*)	1.240.909.100	-
Đền bù cho bên thuê mặt bằng do thanh lý trước thời hạn	-	549.999.994
Chi phí các hợp đồng không thực hiện do khách hàng hủy	273.749.390	-
Giá trị vỏ chai bị thất thoát tại Công ty Bến Tre	873.451.324	-
Chi phí trả lương hộ cho nhà cung cấp	659.472.420	-
Các khoản bị phạt, truy thu thuế	484.268.421	-
Giảm tiền thuê mặt bằng do sửa chữa khách sạn	-	57.866.078
Chi phí khác	1.147.306.215	783.331.210
	17.537.550.617	1.395.997.282

(*) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình Khách sạn 3 sao Đồng Khởi là chi phí thiết kế công trình. Công trình đã có quyết định dừng thực hiện và chuyển đổi sang dự án Trung tâm hội nghị - tiệc cưới Đồng Khởi Palace theo Quyết định số 05/2012/QĐ-HĐQT ngày 27/12/2012.

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại Công ty mẹ	2.567.114.257	193.715.024
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành tại các Công ty con	1.197.516.878	82.454.559
	3.764.631.135	276.169.583

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
- Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	23.962.054	587.336.693
	23.962.054	587.336.693

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	5.857.551.498	2.527.441.554
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	5.857.551.498	2.527.441.554
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	13.000.000	13.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	451	194

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

36. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.157.447.763	15.385.957.814
Chi phí nhân công	28.907.615.975	22.693.270.659
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.960.135.002	4.684.138.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	102.570.763.819	35.525.380.682
Chi phí khác bằng tiền	16.711.489.463	9.161.771.980
	173.307.452.022	87.450.519.824

37. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.342.084.429	-	8.174.539.186	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	85.796.914.508	(218.818.542)	29.571.147.410	(881.969.369)
Các khoản cho vay	4.900.000.000	-	13.050.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	50.626.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	22.910.000	-	22.910.000	-
	149.687.908.937	(218.818.542)	50.818.596.596	(881.969.369)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	136.308.302.579	162.431.089.480
Phải trả người bán, phải trả khác	66.576.833.762	48.569.087.374
Chi phí phải trả	997.894.719	785.124.328
	203.883.031.060	211.785.301.182

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.342.084.429	-	-	8.342.084.429
Phải thu khách hàng, phải thu khác	81.199.692.680	4.378.403.286	-	85.578.095.966
Các khoản cho vay	4.900.000.000	-	-	4.900.000.000
Đầu tư ngắn hạn	50.626.000.000	-	-	50.626.000.000
Đầu tư dài hạn	-	22.910.000	-	22.910.000
	145.067.777.109	4.401.313.286	-	149.469.090.395
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.174.539.186	-	-	8.174.539.186
Phải thu khách hàng, phải thu khác	23.540.091.147	5.149.086.894	-	28.689.178.041
Các khoản cho vay	13.050.000.000	-	-	13.050.000.000
Đầu tư dài hạn	-	22.910.000	-	22.910.000
	44.764.630.333	5.171.996.894	-	49.936.627.227

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 31/12/2016	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ	51.961.360.068	-	84.346.942.511	136.308.302.579
Phải trả người bán, phải trả khác	65.646.163.762	930.670.000	-	66.576.833.762
Chi phí phải trả	997.894.719	-	-	997.894.719
	118.605.418.549	930.670.000	84.346.942.511	203.883.031.060
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	82.180.010.179	-	80.251.079.301	162.431.089.480
Phải trả người bán, phải trả khác	47.584.417.374	984.670.000	-	48.569.087.374
Chi phí phải trả	785.124.328	-	-	785.124.328
	130.549.551.881	984.670.000	80.251.079.301	211.785.301.182

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	104.474.634.614	128.501.753.170
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	(130.597.421.515)	(55.566.813.324)
c) Mua và thanh lý công ty con trong năm báo cáo		
- Tổng mua hoặc thanh lý công ty con trong năm	20.500.000.000	52.411.590.000
- Phần giá trị mua hoặc thanh lý công ty con được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền	20.500.000.000	52.411.590.000
- Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác được mua hoặc thanh lý	-	2.132.407.040

39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 03/01/2017, Công ty đã thông báo Bán chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Công ty sẽ thực hiện chào bán 62.205.000 cổ phần, tổng giá trị chào bán là 622.050.000.000 đồng. Công ty cam kết việc tăng vốn sẽ thành công để thực hiện đầu tư vào 4 Công ty mục tiêu theo hình thức mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu. Các Công ty mục tiêu là Công ty CP Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng, Công ty CP Du lịch Thắng Lợi, Công ty CP Du lịch Thanh Bình, Công ty CP Du lịch Bến Tre.

Trong năm 2016, Công ty CP Du lịch Thành Thành Công và Công ty CP Du lịch Bến Tre đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp tại Công ty TNHH MTV Chè Ngọc Bảo cho đối tác với giá chuyển nhượng là 55.522.364.000 đồng. Công ty đã hoàn thành các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại Công ty TNHH MTV Chè Ngọc Bảo này trong năm 2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động của Công ty trong năm chủ yếu là hoạt động kinh doanh khách sạn và được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập Báo cáo Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

41. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 16)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2016	Năm 2015
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		31.722.727	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	31.722.727	-
Số dư tại ngày kết thúc năm		31/12/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		311.473.466	647.241.633
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	311.473.466	647.241.633
Phải thu cho vay ngắn hạn			
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	-	10.000.000.000
Phải trả cho người bán ngắn hạn		1.170.960.622	3.044.999
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	1.170.960.622	3.044.999
Phải trả khác ngắn hạn		3.194.444	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	3.194.444	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	801.570.014	1.712.670.081

42. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC kiểm toán.

Người lập biểu



Lê Hồng Văn

Kế toán trưởng



Bùi Tấn Khải

Lập, ngày 30 tháng 03 năm 2017

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Thái Hà